VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 218/2016/TT-BTC như sau:

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh	Lần	300.000
II	Phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ	Lần	20.000
III	Lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo	Giấy	150.000
IV	Lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ		
1	Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ	Giấy	10.000
2	Giấy phép vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ	Giấy	100.000
3	Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng, vật liệu nổ công nghiệp: - Dưới 5 tấn - Từ 5 tấn đến 15 tấn - Trên 15 tấn	Giấy	50.000 100.000 150.000
4	Giấy phép mua vũ khí, công cụ hỗ trợ	Khẩu/Chiếc	10.000
5	Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Khẩu/Chiếc	10.000
6	Giấy phép mang các loại đạn: - Dưới 500 viên - Từ 500 viên đến 5000 viên - Trên 5000 viên	Giấy	50.000 100.000 150.000
7	Giấy phép sửa chữa vũ khí, công cụ hỗ trợ	Khẩu/Chiếc	10.000
8	Giấy phép trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ	Khẩu/Chiếc	10.000
9	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí, công cụ hỗ trợ	Khẩu/Chiếc	10.000
10	Giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng	Giấy	10.000

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai